

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH D

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2025

V/v: ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc, Bà Đoàn Thị Chuyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Sảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Vũ Thị M**, sinh năm 1985; Nơi thường trú: thôn X, xã Q, huyện T, tỉnh D; Chỗ ở: thôn I Lữ, xã Q, huyện T, tỉnh D. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn*: Anh **Vũ Văn I**, sinh năm 1989.

Nơi thường trú: thôn X, xã Q, huyện T, tỉnh D. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh I được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh D ngày 10/5/2011. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng ở thôn X được khoảng 01 năm thì xây một nhà nhỏ bên cạnh trên cùng thửa đất và ra ở riêng. Hàng ngày chị đi làm công ty, anh I ở nhà làm thuê. Quá trình chung sống, vợ chồng vui vẻ đến khoảng năm 2018-2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh I thường xuyên quát mắng vợ con âm ỉ nhà cửa, khiến cho không khí gia đình rất khó chịu ngột ngạt. Ngày nào vợ chồng cũng cãi nhau, cuộc sống không được yên ổn, còn lý do dẫn đến cãi nhau thì chẳng đâu vào đâu, chị không biết

anh I tức giận việc gì nhưng cứ về đến nhà là quát mắng vợ con, kể cả trong bữa cơm anh cũng quát tháo mắng chửi không rõ lý do, vợ chồng không có tiếng nói chung. Cuộc sống gia đình không lúc nào được êm ấm hạnh phúc, ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lý và việc học tập của các con. Chị đã góp ý với anh I nhiều lần nhưng anh I không thay đổi, anh I còn bảo với chị là “*mày không ở được thì biến*”. Do không thể tiếp tục chịu đựng, tình trạng cãi nhau không được cải thiện nên đến ngày 09/6/2024 chị đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn I Lữ, xã Q. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian ly thân, anh I chỉ xuống đón con về nhà nội được 1-2 lần, còn lại là ông nội sang đón cháu về chơi. Đợt giáp Tết nguyên đán năm 2025, anh I có một lần gọi điện thoại cho chị bảo là “*có về không, không về thì tao lấy vợ mới*”. Nên chị đã bảo anh “*lấy vợ mới thì cứ lấy*”, chị kiên quyết không về. Từ đó anh I không gọi điện cho chị lần nào nữa. Vợ chồng không gặp gỡ, không quan tâm nhau, việc ai người ấy làm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh I.

Về con chung: Chị và anh I có hai con chung là cháu Vũ Thị Trúc Linh, sinh ngày 12/8/2012 và Vũ Phương Tuệ Nhi, sinh ngày 31/8/2017. Thời gian vợ chồng ly thân, hai con ở cùng với chị. Cháu Linh học lớp 7 Trường Trung học cơ sở Q, cháu Nhi đang học lớp 2 Trường Tiểu học Q. Cháu Linh tự đạp xe đến trường, còn cháu Nhi chị nhờ bà ngoại đưa đón. Ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi hai con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh I cấp dưỡng nuôi hai con chung. Hiện nay chị làm công nhân tại Công ty giấy da Vietsta ở xã Đoàn Tùng, huyện T, tỉnh D, thu nhập hàng tháng từ 8-10 triệu đồng. Thời gian làm việc từ 7h30 phút sáng đến 5h chiều về. Mẹ con chị ở cùng nhà với bố mẹ đẻ, nhà cửa rộng rãi đầy đủ tiện nghi. Bố mẹ chị còn khoẻ và hỗ trợ chị trông nom, chăm sóc, đưa đón con để chị yên tâm đi làm. Chị cam kết đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất cho hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Văn I trình bày:** Anh và chị M được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q năm 2011. Sau khi kết hôn, anh chị ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh được một thời gian thì xây một nhà nhỏ ra bên cạnh ở riêng. Vợ chồng tu chí làm ăn, khi nào anh đi làm có tiền đều mang về đưa hết cho vợ. Anh chị chung sống được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau trong cách sống, làm ăn, sinh hoạt. Khi vợ chồng mâu thuẫn, anh chỉ to tiếng là chị M mắng trả, nên anh chị thường xuyên cãi nhau, gia đình khuyên bảo nhiều không được. Đến ngày 10/6/2024 âm lịch, chị M tự ý đưa theo 2 con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn I Lữ, xã Q. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay không có biện pháp hoà giải, không gặp gỡ, không quan tâm nhau. Anh có

gọi điện cho chị M nhưng chị M không nghe máy. Anh nghĩ nếu anh có tìm thì chị M cũng không về, nên anh không tìm. Nay chị M xin ly hôn, anh xác định không bỏ vợ nên anh không ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung như chị M trình bày là đúng. Trong thời gian vợ chồng ly thân đến nay, hai con ở cùng chị M tại nhà ông bà ngoại. Nếu vợ chồng ly hôn, anh muốn được nuôi cháu Vũ Phương Tuệ Nhi, để chị M nuôi cháu Vũ Thị Trúc Linh. Còn trường hợp chị M nuôi cả hai con thì anh đề nghị không bắt buộc anh phải cấp dưỡng nuôi con cho chị M, vì anh không có tiền, anh chỉ làm thuê theo máy cày trong làng, công việc không ổn định, lúc có việc, lúc không có việc nên thu nhập rất bấp bênh. Trong thời gian chị M đưa hai con về nhà ngoại, cháu lớn thỉnh thoảng vẫn tự đạp xe sang nhà nội chơi, còn cháu bé thì ông nội đi xe lên đón về chơi.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao/gửi, niêm yết các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, Thông báo về phiên họp và hoà giải, giấy triệu tập và các tài liệu tố tụng khác cho anh I đúng quy định pháp luật, anh I đã nhận được nhưng không đến Tòa án làm việc.

Xác minh tại Trường Tiểu học xã Q thể hiện: Cháu Vũ Phương Tuệ Nhi là con của chị M anh I, cháu đang là học sinh lớp 2B của trường do cô Nguyễn Thị Cẩm Tú là giáo viên chủ nhiệm. Hàng ngày buổi sáng cháu Nhi được mẹ đẻ (chị M) đưa đến lớp, trưa về bà ngoại đón. Toàn bộ tiền học và các khoản đóng góp theo quy định của nhà trường đều được mẹ đẻ cháu thực hiện đầy đủ. Cháu Nhi là học sinh ngoan, biết vâng lời thầy cô. Quá trình cháu học tập tại trường được mẹ cháu quan tâm mua sách vở đầy đủ, quần áo sạch sẽ, tóc tai gọn gàng, sắp xếp ngăn nắp. Quá trình cháu Nhi học tập, cô giáo chưa biết bà nội và bố của cháu.

Xác minh tại Trường Trung học cơ sở xã Q thể hiện: Cháu Vũ Thị Trúc Linh là học sinh lớp 7D do cô Phạm Thị Yên là giáo viên chủ nhiệm. Cháu Linh là học sinh ngoan, vâng lời thầy cô giáo, được đánh giá có học lực tốt. Quá trình cháu học tập tại trường, mẹ cháu đóng góp đầy đủ theo quy định, đảm bảo tốt các điều kiện học tập cho con. Ngoài ra, mẹ cháu là chị M cũng là người thường xuyên liên hệ với cô giáo chủ nhiệm sát sao việc học tập của con.

Việc lấy lời khai của cháu Vũ Phương Tuệ Nhi và cháu Vũ Thị Trúc Linh tại trường học thể hiện hai cháu đều có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến: Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,

71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị M được ly hôn anh Vũ Văn I; Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Trúc Linh, sinh ngày 12/8/2012 và Vũ Phương Tuệ Nhi, sinh ngày 31/8/2017 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh I cấp dưỡng nuôi con, anh I có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết; Về án phí: Chị Vũ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đổi trừ vào tiền tạm ứng án phí số BLTU/23/00067689 ngày 21/10/2024 đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Vũ Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Vũ Văn I, đăng ký thường trú tại thôn X, xã Q, huyện T, tỉnh D. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh D. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Vũ Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Vũ Văn I đã được Toà án tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị M và anh Vũ Văn I kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh D ngày 10-5-2011, nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh I là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị M, anh I và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên to tiếng cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Tháng 6/2024, chị M đưa hai con về nhà mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm nhau, anh I không đến tìm, vợ chồng không có biện pháp hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh I nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Khi Tòa án tiến hành hòa giải, anh I cũng không tham gia, chứng tỏ anh không mong muốn và không thiện chí tích cực hàn gắn mối quan hệ vợ

chồng. Điều đó cho thấy anh chị không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau, đến nay anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị M được ly hôn anh I là phù hợp quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M, anh I có hai con chung là cháu Vũ Thị Trúc Linh, sinh ngày 12/8/2012 và Vũ Phương Tuệ Nhi, sinh ngày 31/8/2017. Từ khi chị M và anh I sống ly thân đến nay, hai con ở cùng với chị M. Chị M xin được tiếp tục nuôi hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh I cấp dưỡng nuôi con. Anh I trình bày có mong muốn nuôi con Vũ Phương Tuệ Nhi, chị M nuôi con Vũ Thị Trúc Linh, còn trường hợp chị M nuôi cả hai con thì anh không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị M vì anh không có tiền. Xét thấy, qua xác minh tại nhà trường nơi cháu Linh và cháu Nhi học tập, xác định việc sinh hoạt, học tập và phát triển của hai cháu đều được đảm bảo tốt; hai cháu đều có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với mẹ. Bản thân anh I và gia đình anh xác nhận vẫn thường xuyên đưa đón các cháu về nhà nội chơi hoặc con tự đạp xe về nhà chơi chứng tỏ việc thăm nom các con không bị hạn chế. Anh I còn trình bày nếu cho chị M nuôi hai con thì anh không có tiền cấp dưỡng nuôi con vì anh không có công việc, thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Mặt khác, hai cháu đều là con gái nếu giao cho mẹ nuôi sẽ phù hợp hơn cho sự phát triển tâm sinh lý của các cháu, cần giữ ổn định cho các cháu về nơi ăn ở, sinh hoạt và học tập. Do đó, giao cho chị M tiếp tục nuôi hai con chung và chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh I cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị M, anh I không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị M được ly hôn anh Vũ Văn I.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Vũ Thị Trúc Linh, sinh ngày 12/8/2012 và Vũ Phương Tuệ Nhi, sinh ngày 31/8/2017 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh Vũ Văn I cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Anh Vũ Văn I có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0006768 ngày 21 tháng 10 năm 2024. Chị M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh D (Giấy CNKH số 37 ngày 10/5/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhân